

UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 16 tháng 5 năm 2023

Số: 2018 /SLĐTBXH-VP
V/v đề xuất nhu cầu kết nối, chia sẻ
thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo,
điều hành cấp tỉnh

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 1230/SKHĐT-THQH ngày 12/5/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề xuất nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp tỉnh,

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất 07 nhóm thông tin, dữ liệu với 24 chỉ tiêu cụ thể có nhu cầu kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành cấp tỉnh (Chi tiết theo Phụ lục gửi kèm).

Trân trọng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. *ld*

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Giám đốc, các PGĐ;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Diên
Đặng Văn Diên

PHỤ LỤC

Nhu cầu chia sẻ thông tin, dữ liệu tổng hợp từ CSDL, HTTT của các bộ, ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh

(Kèm theo Công văn số 2010 /SLĐTBXH-VP ngày 16/5/2023 của Sở Lao động – TBXH)

TT	Tên thông tin, dữ liệu	Tên chỉ tiêu cụ thể	Thuộc tính của chỉ tiêu				
			Phạm vi	Thời gian	Giá trị	Phân tổ	Đơn vị tính
I Lao động, tiền lương, việc làm							
1	1	Tổ chức của người lao động tại cơ sở	Chưa có văn bản hướng dẫn				
2	2	Lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Trong tỉnh	6 tháng	Trong kỳ	Lĩnh vực việc làm	Người
3	3	Giải quyết bảo hiểm thất nghiệp	Trong tỉnh	Tháng	Trong kỳ	Lĩnh vực việc làm	Người
4	4	Người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng lao động	Trong tỉnh	Hàng năm	Trong kỳ	Lĩnh vực việc làm	Người
5	5	Tai nạn lao động	Trong tỉnh	6 tháng	Trong kỳ	Lĩnh vực an toàn lao động	Vụ
II Phòng, chống tệ nạn xã hội							
6	1	Số người nghiện ma túy, tỷ lệ người nghiện ma túy	Toàn quốc, tỉnh Hưng Yên	Hàng năm	Trong kỳ, lũy kế, so sánh với cùng kỳ, so sánh với cùng kỳ năm trước	Lĩnh vực phòng, chống ma túy	Người, %
7	2	Phòng chống mại dâm	Toàn quốc, tỉnh Hưng Yên	Hàng năm	Trong kỳ, lũy kế, so sánh với cùng kỳ, so sánh với cùng kỳ năm trước	Lĩnh vực phòng, chống mại dâm	Người, %
8	3	Phòng chống mua bán người	Toàn quốc, tỉnh Hưng Yên	Hàng năm	Trong kỳ, lũy kế, so sánh với cùng kỳ, so sánh với cùng kỳ năm trước	Lĩnh vực phòng, chống mua bán người	Người, %
III Giảm nghèo và Bảo trợ xã hội							
9	1	Số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo; hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng, hàng năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực giảm nghèo	Hộ; tỷ lệ (%)



10	2		Trợ cấp xã hội hàng tháng	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	Hàng tháng, quý, 6 tháng, hàng năm	Trong kỳ, lũy kế	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	Người; kinh phí (đồng)
11	3		Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng, hàng năm	Trong kỳ, lũy kế	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	Người; kinh phí (đồng)
12	4		Số người cao tuổi	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng, hàng năm	Trong kỳ	Lĩnh vực bảo trợ xã hội	Người
	IV	Trẻ em						
13	1		Số trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực trẻ em	Người
14	2		Số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực trẻ em	Người
15	3		Số trẻ em thể béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực trẻ em	Người
16	4		Tỷ lệ trẻ em được bú sớm sau sinh	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực trẻ em	Người
	V	Bình đẳng giới						
17	1		Tăng tỷ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030.	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực Bình đẳng giới	%
18	2		Giảm tỷ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030.	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực Bình đẳng giới	%

19	3		Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới.	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực Bình đẳng giới	số lần
20	4		Tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người có trình độ thạc sĩ đạt không dưới 50% từ năm 2025 trở đi. Tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người có trình độ tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	6 tháng và 01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực Bình đẳng giới	%
VI Người có công								
21	1		Thông tin về người có công với cách mạng có nguyên quán tại tỉnh Hưng Yên (Liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người HĐKC bị nhiễm CĐHH)	Toàn quốc và tỉnh Hưng Yên	Giờ, Ngày	Thông báo; Lũy kế	Người có công với cách mạng	Người
22	2		Dữ liệu về mộ, nghĩa trang liệt sĩ	Toàn quốc và tỉnh Hưng Yên	Ngày	Thông báo; Lũy kế	Lĩnh vực người có công	Ngôi, nghĩa trang
VII Giáo dục nghề nghiệp								
23	1		Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực đào tạo lao động	%
24	2		Tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp	Toàn quốc; Vùng miền và tỉnh Hưng Yên	01 năm	Trong kỳ, so với năm trước	Lĩnh vực đào tạo nghề	Người